

KẾT QUẢ ĐIỂM XÉT TUYỂN VÀ DỰ KIẾN TRÚNG TUYỂN CỦA THÍ SINH THAM DỰ
KỲ XÉT TUYỂN ĐẶC CÁCH VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GD-ĐT HUYỆN QUẢNG TRẠCH, NĂM 2018
KHỐI TIỂU HỌC - PHÒNG PHÒNG VẤN: 05

T T	SBD	Họ và tên		Sinh ngày	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Điểm học tập không theo đào tạo hệ thống tín chỉ (Hệ số 1)				Điểm học tập đào tạo theo hệ thống tín chỉ (Hệ số 2)		Điểm phỏng vấn, sát hạch			Tổng điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
						Điểm TBCKT		Điểm TN hoặc luận văn TN		Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa		Điểm phần kiến thức chung	Điểm kiến thức chuyên ngành	Tổng điểm phỏng vấn, sát hạch (HS2)			
						Thang điểm 10	Thang điểm 100	Thang điểm 10	Thang điểm 100	Thang điểm 10	Thang điểm 100 (HS 2)						
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15=14+9+7 (=14+11)	16	17
1	68	Đinh Thị Khánh	Huyện	23/11/1996	GV Tiểu học - Trường TH Quảng Tiến					8.11	162.2	70.0	70.0	280.0	442.2		
2	69	Trần Thị Ngọc	Huyện	16/2/1995	GV Tiểu học - Trường TH Quảng Thanh					7.98	159.6				159.6		Vắng
3	70	Đàm Thị Ngọc	Huyện	21/3/1995	GV Tiểu học- Trường TH số 1 Quảng Châu					8.01	160.2	96.0	96.0	384.0	544.2	X	
4	71	Phan Thị	Lan	13/3/1996	GV Tiểu học - Trường TH Quảng Thanh					8.09	161.8	49.0	49.0	196.0	357.8		
5	72	Phan Thị Thúy	Lành	04/9/1994	GV Tiểu học - Trường TH Quảng Thanh					8.06	161.2	83.5	83.5	334.0	495.2		
6	73	Nguyễn Nhật	Lệ	07/7/1994	GV Tiểu học - Trường TH Quảng Thanh					7.35	147.0	10.0	50.0	120.0	267.0		
7	74	Trần Thị Ngọc	Linh	19/01/1996	GVTH- Trường TH Quảng Đông					8.22	164.4	5.0	5.0	20.0	184.4		
8	75	Nguyễn Thị Tố	Loan	15/6/1996	GV Tiểu học - Trường TH Quảng Thanh					8.18	163.6	40.0	40.0	160.0	323.6		
9	76	Nguyễn Mai Trúc	Loan	07/11/1996	GV Tiểu học - Trường TH Quảng Tùng					8.44	168.8	40.0	55.0	190.0	358.8		

T T	SBD	Họ và tên		Sinh ngày	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Điểm học tập không theo đào tạo hệ thống tín chỉ (Hệ số 1)				Điểm học tập đào tạo theo hệ thống tín chỉ (Hệ số 2)		Điểm phỏng vấn, sát hạch			Tổng điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
						Điểm TBCKT		Điểm TN hoặc luận văn TN		Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa		Điểm phần kiến thức chung	Điểm kiến thức chuyên ngành	Tổng điểm phỏng vấn, sát hạch (HS2)			
						Thang điểm 10	Thang điểm 100	Thang điểm 10	Thang điểm 100	Thang điểm 10	Thang điểm 100 (HS 2)						
10	77	Trần Thanh	Mai	20/3/1994	GV Tiểu học - Trường TH Cảnh Dương					8.15	163.0	96.5	96.5	386.0	549.0	X	
11	78	Trương Tuyết	Mai	01/6/1994	GV Tiểu học - Trường TH Cảnh Dương					8.05	161.0				161.0		Vắng
12	79	Phan Thị Tuyết	Mai	28/11/1996	GV Tiểu học - Trường TH Quảng Thanh					8.34	166.8	55.5	55.5	222.0	388.8		
13	80	Trần Thị	Nhàn	01/10/1993	GV Tiểu học - Trường TH Quảng Hợp					8.33	166.6	95.5	95.5	382.0	548.6	X	
14	81	Trần Nữ Linh	Nhi	22/8/1994	GV Tiểu học - Trường TH Quảng Tiến					8.56	171.2	96.5	96.5	386.0	557.2	X	
15	82	Ng. Quỳnh Trang	Như	19/7/1996	GV Tiểu học - Trường TH Cảnh Dương					8.22	164.4	83.5	83.5	334.0	498.4		
16	83	Phan Thị Hồng	Nhung	26/9/1996	GV Tiểu học - Trường TH Quảng Tiến					8.26	165.2	83.5	83.5	334.0	499.2		
17	84	Đình Thị Hồng	Nhung	06/02/1995	GV Tiểu học- Trường TH số 1 Quảng Châu					8.09	161.8	20.0	65.0	170.0	331.8		
18	85	Dương Thị Kim	Oanh	03/3/1994	GV Tiểu học- Trường TH Quảng Thanh					8.18	163.6	97.0	97.0	388.0	551.6	X	
19	86	Lê Trung	Phong	10/12/1994	GV Tiểu học - Trường TH Quảng Thanh					8.25	165.0	60.0	70.0	260.0	425.0		
20	87	Trương Thị	Phượng	18/8/1995	GV Tiểu học - Trường TH Quảng Tùng					8.03	160.6	95.5	95.5	382.0	542.6	X	
21	88	Lê Thị Như	Quỳnh	10/9/1995	GV Tiểu học - Trường TH Cảnh Dương					8.08	161.6	60.0	60.0	240.0	401.6		
22	89	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	20/11/1995	GV Tiểu học - Trường TH Quảng Tùng					8.14	162.8	35.0	50.0	170.0	332.8		

TT	SBD	Họ và tên		Sinh ngày	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng	Điểm học tập không theo đào tạo hệ thống tín chỉ (Hệ số 1)				Điểm học tập đào tạo theo hệ thống tín chỉ (Hệ số 2)		Điểm phỏng vấn, sát hạch			Tổng điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
						Điểm TBCKT		Điểm TN hoặc luận văn TN		Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa		Điểm phân kiến thức chung	Điểm kiến thức chuyên ngành	Tổng điểm phỏng vấn, sát hạch (HS2)			
						Thang điểm 10	Thang điểm 100	Thang điểm 10	Thang điểm 100	Thang điểm 10	Thang điểm 100 (HS 2)						
23	90	Lê Nữ Như	Quỳnh	17/3/1995	GV Tiểu học - Trường TH Quảng Hợp					8.44	168.8	70.0	70.0	280.0	448.8		
24	91	Phạm Trung	Thành	16/01/1994	GV Tiểu học - Trường TH Quảng Hợp					8.54	170.8	50.0	5.0	110.0	280.8		
25	92	Nguyễn Phương	Thảo	24/02/1996	GV Tiểu học - Trường TH Cảnh Dương					8.26	165.2	60.0	60.0	240.0	405.2		

Tổng số thí sinh tham dự phỏng vấn: 23/25 thí sinh, dự kiến trúng tuyển 06 thí sinh/12 chỉ tiêu./.

Quảng Trạch, ngày 16 tháng 8 năm 2018
TM. HỘI ĐỒNG KIỂM TRA- SÁT HẠCH
CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoàng Anh